

Nhà văn cải tổ tinh thần thời loạn,  
đề cao trung hiếu:

## Võ Trường Toản

“Tiên sinh tính Võ, húy Trường Toản: đời trước hoặc nói là người Thanh Kê (Quảng Đức), hoặc nói là người Bình Dương (Gia Định), trước thọ nghiệp cùng ai chưa hề rõ được, chỉ biết sở học của tiên sinh đã tới bậc dày dặn đầy đủ, chất thật, có thuật nghiệp thâm uyên thông đạt. Xảy hồi loạn Tây Sơn, tiên sinh ẩn trú mở trường dạy học, thường học trò tới mấy trăm. Ông Ngô Tùng Châu là môn sinh cao đệ nhất. Bậc thứ nhất là chú công Trịnh Hoài Đức, Phạm Ngọc Uẩn, Lê Quang Định, Lê Bá Phẩm, Ngô Nhân Tịnh. Bậc danh sĩ là ông Chiêu, ông Trúc, nhà ẩn dật, ngoài ra không kể được. Các ông ấy đều gặp hồi phong vân, thời trung hưng triều Gia Long đứng vào bậc tôi hiền, có người hoặc sát thân để làm nên điều nhân, hoặc quên mình để trọn tiết nghĩa, thấy đều nên công nghiệp lớn trong đời.

Lúc ngự vào Gia Định, đức Thái<sup>1</sup> Tô Cao Hoàng đế hăng triệu tiên sinh tới ứng đối. Lại nghe tiên sinh học rộng khắp kinh, và sở trường nhất một bộ Tứ thư. Ông Chiêu, nhà ẩn dật là bậc túc học được theo tiên sinh học thấu nghĩa “*trí ngôn, dưỡng khí*”. Từng thấy tiên sinh đề trong sách vở này: “*Sách Đại Học một nghìn bảy trăm chữ, tan ra gồm vô số sự vật, tóm lại còn hai chữ cũng không*”.

“Hay thay! Sở học của tiên sinh. Thật là rộng lớn mà tinh vi vậy, dầu học bất cứ ngàn muôn kinh sách nào cũng rõ nghĩa lý được.

“Tiên sinh không khứng ra làm quan, nên đại khái không thấy được sự nghiệp. Từ thuở tiên sinh lấy lối học nghĩa lý để giáo hóa, chẳng những đương thời đào tạo được nhiều bậc nhân tài mà còn truyền thuật, giảng luận trau giồi về sau, tới nay dân gian trong sáu tỉnh Nam Kỳ, tỏ lòng trung kính nghĩa cảm phát dấm hy sinh tới tính mạng, xét ra tuy nhờ đức thân nhân của quân vương nhuần gội, cố kết nhân tâm, nhưng nếu không có công đức mở mang huấn dụ của tiên sinh từ thuở trước thì làm sao có được nhân tâm như thế.

“Đến năm Nhâm Tý 1792<sup>2</sup>, ngày mùng chín tháng 6, tiên sinh ra người thiên cổ. Lòng vua cảm

---

<sup>1</sup> Đúng ra là *Thế tổ*, vì hiệu *Thái tổ* đã dành cho Nguyễn Hoàng.

<sup>2</sup> Mất tại làng Hòa Hưng (tỉnh Gia Định).

mền tiếc thương ân tứ hiệu “*Gia định xử sĩ sùng đức Võ tiên sinh* 嘉定處士崇德武先生” đề ghi vào mộ<sup>1</sup> “.

Võ Trường Toàn nổi tiếng nhờ nếp sống ần dật, tài học, thái độ đối với những người nhúng tay vào cuộc chiến Nguyễn - Tây Sơn, có nhiều môn đệ xuất chúng hơn nhờ ở văn nghiệp.

Thật vậy, vì tài liệu mất mát ngày nay chúng ta chỉ còn lại độc nhất bài “*Hiếu Trung Hoài Cổ Phú*”<sup>2</sup> không biết ông sáng tác trong trường hợp nào qua một bài phú không lấy gì làm dài và đầy dẫy từ ngữ khuôn sáo, điển tích, có tính cách từ chương chúng ta khó hiểu cặn kẽ tâm hồn của một nhân vật vốn được người đồng thời và cả một vài thế hệ sau đặc biệt kính trọng này.

Tuy nhiên, qua những gì còn lại, chúng ta cũng có thể biết được phần nào con người của Võ Trường Toàn.

---

<sup>1</sup> Về tiểu sử của Võ Trường Toàn chúng tôi mạn phép chép lại một phần bài văn bia trước mộ ông (ở Ba Tri) do Phan Thanh Giản viết (Ngạc Xuyên Ca Văn Thịnh dịch) để thấy được phần nào lòng kính trọng của một bậc danh thần, ái quốc đối với một chí sĩ, một nhà giáo như Võ Trường Toàn.

<sup>2</sup> Chính ngay bài này học giới gần đây mới xác nhận ông là tác giả. Tuần báo “*Nông Cổ Mân Đàm*” số 97 ngày 9 - 7 - 1903 và Lê Sum “*Việt Âm Văn Uyển*” - Sài Gòn 1919, trang 107 đều ghi “*vị tường danh thị*”.

a. Võ Trường Toàn, người nhận chân sự tuần hoàn, biến dịch của thiên nhiên tạo vật .

Mở đầu bài phú dài 24 câu, tác giả nhìn nhận sự biến đổi của loài hoa: dầu rục rờ, thắm tươi bao nhiêu hết khoảng thời gian của đời hoa, hoa cũng tàn tạ. Từ đó ông tổng quát hóa nhận định của mình để áp dụng cho muôn loài trong vũ trụ:

- *Thiên nhiên*: gò nông biến thành bể sâu, vực thẳm hóa nên cồn.

- *Con người*: Đời người không trường cửu từ xưa đến nay không biết bao nhiêu kiếp người nối tiếp:

*“Rõ rờ cúc ba thu, ba thu lụn cúc đà tàn héo;  
Hây hây sen chín hạ, chín hạ qua sen cũng rã rời.*

*Cho hay vực thẳm nên cồn!  
Khá biết gò cao hóa bể!  
Quán âm dương rước khách xưa nay, đã mấy lâu đời;*

*Đò tào hóa đưa người qua lại, biết bao nhiêu chuyến.*

*Nhấp nhoáng ngọn đèn trong kiếng;  
Lênh đênh bóng nguyệt dòng sông”*

Từ nhận định cơ bản về sự biến đổi của thiên nhiên tạo vật, cuộc đời Võ Trường Toàn nhìn lại lịch sử, những cuộc tranh chấp được thua, những

hành động hay dở của người trước, rồi cũng biến thành hư ảnh:

*“Lánh non Thú cam bề ngạ tử, hai con Cô Trúc đã về đâu?*

*Luyện linh đan lo chức trường sinh, bốn lão Thương San đà bắt đầu!*

*Mộng tàn nửa gối, bướm Trang Châu giấc hãy mơ màng;*

*Xuân lụn mấy canh, quỳên Thục Đế tiếng còn khắc khoải.*

.....

*Ngựa trên ải một may một rủi;*

*Hươu dưới Tần bên có bên không.*

*Hán Võ ngọc đường, người ngọc nọ xưa đà theo gió;*

*Thạch Sùng kim cốc, của tiền xưa nay đã lấp sương”*

Tất cả những gì người đời đặt làm mục tiêu tranh đấu để đạt được như lâu đài đẹp đẽ, sự nghiệp huy hoàng, chiến công rực rỡ, quân đội dũng mãnh, cuộc sống vui thú... cũng theo thời gian biến đổi còn lại chẳng là những vết tích tàn phá hoang sơ:

*“Thương hồi thương huyền quản cung Tần, chim làm tổ tiếng kêu vắng vắng;*

*Tiếc ôi tiếc y quan đời Tần, biển nên còn cỏ mọc xanh xanh.*

*Cung Tùỵ xưa chim nói líu lo, mấy độ xuân về hoa rưới lụy.*

*Đài Ngô trước hươu nằm ngả ngón, đòi ngàn  
sương ngọn cỏ đeo sầu.*

*Ô Giang đêm thăm hé trăng mảnh, quanh quẽ  
búa rìu họ Hạng.*

*Cai Hạ ngày chiều hiu gió mát, phát phơ  
ngọn cỏ nàng Ngu.*

*Đài vắng Nghiêm Lăng, mấy khúc quanh co  
sông chảy tuyết;*

*Thuyền không Phạm Lãi, năm hồ lai láng  
nước ken mù”..*

b. Võ Trường Toản người chủ trương chỉ thảo ngay mới thường trụ với thời gian.

Cuộc đời không có gì vĩnh viễn: Thời gian qua mau, công danh dễ tan biến, sắc đẹp dễ tàn tạ, của cải rồi cũng mất, Võ Trường Toản xác định như vậy, nhưng chính ông cho rằng thời gian không hủy hoại danh thơm tiếng tốt đạt được do lỗi cư xử của chúng ta với cha mẹ, với quân vương: thảo, ngay.

Tóm lại ông đề ra cách sống kiểu mẫu của con người trong thời loạn, thời con người dễ dàng đánh mất lương tâm vì đói, vì muốn đạt được danh vọng. Ông nhắc đến những chuyện hiếu trung xưa cũ như những gương sáng để mong tạo lại một nếp sống hợp đạo lý: con đối với cha hết lòng, tôi đối với chúa hết dạ:

*“Cho hay đời đời ấy lẽ thường,  
Mới biết thảo ngay là nghĩa cả.*

*Lụy rơi non Lịch, Đại Thuần từng đòi tánh hai thân.*

*Sương lọt áo bô, Tử Khiên lại trọn niềm một thảo.*

*Tám trăm dặm xông pha ải tuyết, thương họ Hàn chới chới lòng đơn.*

*Mười chín thu dầm nhuốm trời sương, cảm ông Võ phơ phơ đầu bạc”.*

Tư tưởng ông giống với câu đối của Phạm Thụy, người đồng thời ở Bắc Hà, chán việc chúa Trịnh đàn áp vua Lê, từ quan về dạy học dán câu đối ở chỗ ngồi:

一 等 人 忠 臣 孝 子

兩 件 事 讀 書 耕 田

*Nhất đẳng nhân: trung thân hiếu tử.*

*Lưỡng kiện sự: độc thư, canh điền.*

*= Một hạng người tôi trung con hiếu.*

*Hai sự việc, đọc sách, cày bừa.*

Có nhiều cách nhìn đời, có vô số thể dạy đời. Võ Trường Toản nhìn đời với cặp mắt bi quan, ông chú ý đến khía cạnh bi đát do tạo hóa đặt ra cho chúng sinh, cho vũ trụ. Nhưng cũng từ cái nhìn bi thảm đó ông dạy đời một cách sống động và thâm trầm, phải tìm trong sự thay đổi cái không thay đổi: “danh thơm tiếng tốt”.

*“Trời mỗ đất già danh hã rạng, lụy non Ngưu nghĩ cũng sụi sụi;*

*Biển khô đá rã tiết nào phai, sử họ Mã chép còn tỏ rõ”.*

Võ Trường Toàn, không hoài cổ một cách vô ích, không bi quan để bi quan, chất hoài cổ chất bi quan đã được tác giả mượn để đóng vai một thứ men tạo lợi ích, gây dựng những thế hệ tốt cho mai hậu.

Cuộc đời ông, những học trò nổi tiếng của ông đã thể hiện những điều ông từng vạch ra trong “*Hiếu trung hoài cổ phú*” (ít nhất là ở những quan điểm hiếu trung hơi gò bó, hẹp hòi của người xưa.)

\*  
\* \*

Phụ Lục:

## HIẾU TRUNG HOÀI CỔ PHÚ

Tác phẩm của Võ Trường Toàn

1. Rõ rõ cúc ba thu ba, ba thu lụn cúc đà tàn héo;  
Hây hây sen chín hạ, chín hạ qua sen cũng rã rời.
2. Cho hay vực thẳm nên còn;



- Khá biết gò cao hóa bễ (<sup>1</sup>).
3. Quán âm dương rước khách xưa nay, đã mấy  
lâu đời.  
Đồ tạo hóa đưa người qua lại, biết bao nhiêu  
chuyên.
4. Nhấp nhoáng ngọn đèn trong kiếng;  
Lên đèn bóng nguyệt dòng sông.
5. Đường Ngu (<sup>2</sup>) áp tôn (<sup>3</sup>) rượu ba chung,  
dường say, dường tỉnh;  
Thang Võ chinh tru cờ một cuộc, thoát đặng  
thoạt thua.
6. Cửa có không nào khác đám mây;  
Người tan hiệp dường như bọt nước.
7. Lánh non Thú cam bề ngạ tử hai con Cô Trúc  
(<sup>4</sup>) đã về đâu ?  
Luyện linh đan lo chức trường sanh bốn lão  
Thương sơn (<sup>5</sup>) đà bật dấu!
8. Mộng tàn nửa gối, bướm Trang Chu giấc hãy  
mơ màng;

---

<sup>1</sup> Câu 1 và 2: cuộc đời vốn đổi thay. Có đó mất đó.

<sup>2</sup> Đường: vua Nghiêu họ Đào Đường; Ngu: Vua Thuần họ Hữu Ngu.

<sup>3</sup> Áp tôn: Nhường ngôi cho người hiền, chỉ việc vua Nghiêu nhường ngôi cho vua Thuần.

<sup>4</sup> Bá Di, Thúc Tề, hai con vua Cô Trúc, không chịu ăn thóc nhà Châu nên vào núi Thú Dương và chết đói ở đây.

<sup>5</sup> Đồi Hán, bốn ông lão Đường Tuyên Minh, Kỳ Lý Quý, Thôi Huỳnh, Châu Thuật không chịu làm quan lên núi Thương sơn ở ẩn luyện linh đan.

Xuân lụn mấy canh, quỳên Thục Đế tiếng còn  
khoắc khoải.

9. Tha thiết bấy một gò huỳnh nhưỡng <sup>(1)</sup>, ngọc  
lấp hương chôn;  
Áo nã thay mấy cụm bạch vân mưa sâu gió  
thắm!
10. Ngựa trên ải một may, một rui;  
Hươu dưới Tần bên có bên không.
11. Hán Võ ngọc đường, người ngọc nọ xưa đà  
theo gió;  
Thạch Sùng kim cốc, của tiền xưa nay đã lấp  
sương.
12. Lao xao cõi trần ai, trường hoan lạc gấm  
không mấy lúc;  
Thấm thoát cơn mộng ảo, đoạn biệt ly há dễ  
bao lâu.
13. Nghìn năm hồn phách Hán anh hùng, hồn  
phách mất người kia cũng mất.  
Muôn dặm nước non Đường thổ võ, nước  
non còn đời ấy đâu còn.
14. Thương hỡi thương! huyền quản <sup>(2)</sup> cung  
Tần, chim làm tổ tiếng kêu vắng vắng;  
Tiếc ôi tiếc, y quan đời Tấn, biển nên còn cỏ  
mọc xanh xanh.
15. Cung Tùy xưa chim nói líu lo, mấy độ xuân  
về hoa rười rượi;

---

<sup>1</sup> Huỳnh nhưỡng: đất vàng. Gò Huỳnh nhưỡng: mộ.

<sup>2</sup> Huyền quản: dây đàn, ống sáo, gọi chung là nhạc cụ.

Đài Ngô trước hươu nằm ngả ngón, đòi ngàn  
sương ngọn cỏ đeo sâu.

16. Ô Giang đêm thăm hé trắng mảnh, quạnh quẽ  
búa rìu họ Hạng.

Cai Hạ ngày chiều hiu gió mát, phát phơ  
ngọn cỏ nàng Ngu<sup>(1)</sup>.

17. Đài vắng Nghiêm Lăng, mấy khúc quanh co  
sông chảy tuyết;

Thuyền không Phạm Lãi, năm hồ lai láng  
nước ken<sup>(2)</sup> mù.

18. Cho hay đời đời ấy lẽ thường;

Mới biết thảo ngay là nghĩa cả.

19. Lụy rơi non Lịch, Đại Thuần từng đời tánh  
hai thân;

Sương lọt áo bô, Tử Khiên lại trọn niềm một  
thảo.

20. Tông khóc mắng, Tường năm giá, nần - nần  
lo giữ đạo con.

Tích dấu quít, Cự chôn con, năm năm<sup>(3)</sup> đua  
đền ngài mẹ.

21. Trước đền Trụ mổ gan một tấm, muôn kiếp  
còn danh để tạc bia;

Dưới thành Ngô treo mắt đôi tròn, ngàn năm  
hãy người đều nhòm gáy.

---

<sup>1</sup> Cỏ nàng Ngu: Ngu Cơ, vợ Hạng Võ tự vận chết hóa ra cỏ  
thơm tục gọi Ngu mỹ nhân thảo.

<sup>2</sup> Ken: Rủ nhau, hợp lại đông đảo; ken mù: sương đóng dày.

<sup>3</sup> Năm năm: cẩn thận và sợ hãi; như nơm nớp.

22. Tám trăm dặm xông pha ải tuyết, thương họ Hàn <sup>(1)</sup> chói chói lòng đơn.  
Mười chín thu dầm nhuôm trời sương, cảm ông Võ phơ phơ đầu bạc.
23. Cật Võ Mục <sup>(2)</sup> nhuộm thâm bốn chữ; tám trung thành đã thâu trời xanh!  
Áo Thiên Tường <sup>(3)</sup>, ghi đượm hai câu, phương tỵ ngãi chi phai lòng đỏ.
24. Trời môn đất già danh hã rạng, lụy non Ngưu nghĩ cũng sụi sùi;  
Biên khô đá rã tiết nào phai, sử họ Mã chép còn tỏ rõ.

(Hiệu đính theo *Hiếu trung hoài cổ Vịnh - Nông cổ mín đàm* số 87 ngày 9-07-1903 và *Quốc Âm Văn Uyển* trang 106-107).

---

<sup>1</sup> Hàn: tức Hàn Dũ vì bài bác đạo Phật bị vua Đường Huyền Tông đày ra vùng băng tuyết Triều Dương phía Bắc nước Tàu.

<sup>2</sup> Võ Mục: Tức Nhạc Phi đượm mẹ xâm trên lưng bốn chữ “tận trung báo quốc”.

<sup>3</sup> Thiên Tường: tức Văn Sơn ghi vào vạt áo hai câu đề tỵ khuyên nên hy sinh cho điều nghĩa.